TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 7 - H	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1049/2026/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 31 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1010/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Trung H, sinh ngày 15/01/1981. CCCD số 001081046689 cấp ngày 04/01/2024.

Nơi cư trú: Xóm 5, thôn V, xã M, thành phố H.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 11/01/1993. CCCD số 001183003260 cấp ngày 29/07/2022.

Nơi cư trú: Xóm 5, thôn V, xã M, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Trung H và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 02con chung là Phạm Thuỳ L, sinh ngày 26/3/2010 và Phạm Trung Đ, sinh ngày 17/7/2012.

Ly hôn, anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Phạm Thuỳ L và Phạm Trung Đ cho đến khi con chung 18 tuổi lao động tự túc hoặc có Quyết định khác có hiệu lực pháp luật;

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận thực hiện nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Chị L có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí: Anh H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001871 ngày 22/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả anh Phạm Trung H số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – H;
- Phòng THADS khu vực 7 – H;
- UBND xã M, Tp. H (GCNKH số 100 Quyển số 01 ngày 23/10/2009 của UBND xã V cũ)
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hùng L